

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1638 /KSBT-SKMT&YTTH
V/v thông báo kết quả giám sát chất lượng
nước sạch tại 5 đơn vị cấp nước thực hiện
khai thác, sản xuất nước sạch thuộc Công ty
Nước sạch Hà Nội tháng 6/2025

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
CÔNG VĂN ĐẾN số: ✓
Giờ:..... Ngày: 24/6/25

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.

Thực hiện công văn số 1152/KSBT-SKMT&YTTH ngày 13/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đợt I năm 2025, từ ngày 9/6 đến 11/6, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đã giám sát vệ sinh, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại 5 đơn vị cấp nước thực hiện khai thác, sản xuất nước sạch thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội: Trạm cấp nước Thụy Khuê (ngày 9/6/2025), Nhà máy nước Pháp Vân (ngày 9/6/2025), Trạm cấp nước Đông Mỹ (ngày 10/6/2025), Nhà máy nước Nam Dư (ngày 10/6/2025) và Trạm cấp nước Vân Đồn (ngày 11/6/2025). Kết quả như sau:

1. Thông tin chung

5/5 đơn vị sử dụng nguồn nước nguyên liệu là nước ngầm, cấp nước vào mạng phân phối của các Xí nghiệp kinh doanh Nước sạch thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.

2. Hồ sơ theo dõi, quản lý về chất lượng nước sạch và công tác nội kiểm chất lượng nước

2.1. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch của hai nhà máy nước

- 5/5 đơn vị thực hiện thử nghiệm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ hàng năm đối với các giếng khai thác. Lần thử nghiệm gần nhất tháng 10/2024 thử nghiệm 13 thông số pH, NH_4^+ , NO_2^- , NO_3^- , Chỉ số Pecmanganat, Clorua, Độ cứng, Mn^{2+} , Sắt, Asen, TDS, Colifoms, E.Coli.

- 5/5 đơn vị có sổ theo dõi việc lưu mẫu nước.

- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước: 5/5 đơn vị có sổ giao nhận và hồ sơ theo dõi sử dụng hóa chất.

- 4/5 đơn vị có biên bản nghiệm thu thau rửa bể chứa nước thành phẩm. 1/5 đơn vị (TCN Vân Đồn) không có bể chứa nước thành phẩm.

2.2. Công tác nội kiểm chất lượng nước

5/5 đơn vị cấp nước thử nghiệm chất lượng nước sạch định kỳ: nội kiểm chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT. Cụ thể như sau:

+ Thông số nhóm A: 5/5 đơn vị thử nghiệm đủ 8 thông số hằng tháng, mỗi lần thử nghiệm đủ số lượng mẫu. Kết quả nội kiểm lần gần nhất tháng 5/2025, 100% số mẫu đạt quy chuẩn.

+ Thông số nhóm B:

5/5 đơn vị thử nghiệm đủ 91 thông số, đủ số lượng mẫu lần gần nhất tháng 11/2024, kết quả 100% số mẫu đạt quy chuẩn.

Trong tháng 5/2025, 5/5 đơn vị thử nghiệm 10/91 thông số nhóm B gồm Amoni, Nitrit, Nitrat, chỉ số Pecmanganat, Clorua, Độ cứng, Sắt, Mangan, Tụ cầu vàng, Trục khuẩn mủ xanh, chưa thử nghiệm 81/91 thông số nhóm B còn lại (quá 6 tháng tính từ lần nội kiểm gần nhất).

2.3. Việc thực hiện thông tin, báo cáo chất lượng nước

5/5 đơn vị đã thực hiện công khai thông tin về chất lượng nước trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, thực hiện báo cáo kết quả nội kiểm theo quy định.

3. Kết quả giám sát vệ sinh chung

- 5/5 đơn vị khu vực ngoại cảnh và khu vực xử lý nước có chế độ vệ sinh thường xuyên. Bể chứa nước thành phẩm có nắp đậy kín, khoá an toàn.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước có đủ nhãn.

4. Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước (Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm)

- Số lượng mẫu: Lấy 15 mẫu nước/5 đơn vị. Tại mỗi đơn vị lấy 3 mẫu nước thành phẩm, bao gồm: 1 mẫu tại vòi sau bơm từ đơn vị cấp nước ra mạng lưới đường ống phân phối và 2 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối.

- Thông số thử nghiệm: 18 thông số thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT: Màu sắc, Mùi vị, Độ đục, pH, Amoni, chỉ số Pecmanganat, Chloride, Độ cứng, Sắt, Mangan, Sunphat, Nitrit, Nitrat, Clor dư tự do, Coliforms, Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus.

- Kết quả thử nghiệm: 15/15 mẫu đạt quy chuẩn.

5. Đề nghị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội chỉ đạo các đơn vị cấp nước thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo chất lượng nước cung cấp đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.
- Nội kiểm chất lượng nước sạch đủ thông số, số mẫu, tần suất; thực hiện chế độ công khai thông tin, báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch và các nội dung khác theo quy định tại Văn bản hợp nhất Thông tư số 05/VBHN-BYT ngày 06/6/2022 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực đến ngày 30/6/2025, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực từ ngày 01/7/2025./

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - 70 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7730.176. Email: gsnuochanoi@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên (để th/hiện);
 - Sở Y tế HN
 - Sở Xây dựng HN
 - Sở NN&MT HN
 - GD TTKSBT TPHN
 - Lưu: VT, SKMT-YTTH.Hiếu
- (để b/cáo);



Nguyễn Thị Kiều Anh



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.50 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước tại vòi bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Thụy Khuê, địa chỉ số 01 dõc La Pho, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample: 09/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s): Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities: 09/06 - 11/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,14	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	29,1	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	254	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	20	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,3	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,4	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.50 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Thụy Khuê, địa chỉ số 01 dốc La Pho, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
09/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
09/06/2025 - 12/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

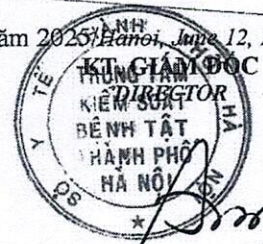
8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.48 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Thụy Khuê tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Thị Minh Thu địa chỉ số 2 ngõ 69 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

09/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

09/06 - 11/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	29,8	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	230	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	17,8	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.48 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu:
Sample description
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước
Thủy Khuê tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Thị Minh Thu địa
chỉ số 2 ngõ 69 Thủy Khuê, phường Thủy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

09/06/2025

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

09/06/2025 - 12/06/2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

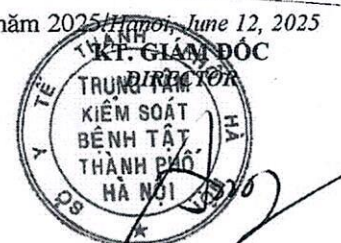
8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.49 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Thụy Khuê tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Đỗ Minh Quang, địa chỉ số nhà 18 ngách 105/15 Thụy Khuê phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

09/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

09/06 - 11/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	31,2	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	220	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	19,3	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,4	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.49 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu:
Sample description
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước
Thủy Khuê tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Đỗ Minh Quang, địa chỉ số
nhà 18 ngách 105/15 Thủy Khuê phường Thủy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

09/06/2025

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

09/06/2025 - 12/06/2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.47 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample **Mẫu nước tại vòi sau bơm II Nhà máy nước Pháp Vân, số 1 Trần Thủ Độ, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội**
2. Tên/địa chỉ khách hàng **Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội**
Name/Address of customer **70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội**
3. Mô tả mẫu/Sample description **Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL**
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample **09/06/2025**
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel performing/sending sample(s) **Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học**
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities **09/06 - 11/06/2025**
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9,9	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	106	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	12,5	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,2	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,8	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.47 VSC

1. Tên mẫu: Mẫu nước tại vòi sau bơm II Nhà máy nước Pháp Vân, số 1 Trần Thủ Độ, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 09/06/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 09/06/2025 - 12/06/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.45 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Pháp Vân tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Trần Trí Dũng, số 8A ngõ 138 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 09/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities 09/06 - 11/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	11,3	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	110	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	11,9	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,1	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,6	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.45 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Pháp Vân tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Trần Trí Dũng, số 8A ngõ 138 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
09/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
09/06/2025 - 12/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.46 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Pháp Vân tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Hoàng Thị Anh Minh, số 5 ngõ 389/88/4 Trương Định, phường Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

09/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

09/06 - 11/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,0	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	10,6	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	106	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	12,7	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,1	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,5	0,2-1,0

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.09.46 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Pháp Vân tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Hoàng Thị Anh Minh, số 5 ngõ 389/88/4 Trương Định, phường Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
09/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
09/06/2025 - 12/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.57 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi sau bơm II Trạm cấp nước Đông Mỹ
2. Tên/địa chỉ khách hàng Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 10/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates 10/06 - 11/06/2025
of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	13,5	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	108	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	15,5	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,6	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,6	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaactngnhiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.57 VSC

1. Tên mẫu: Mẫu nước tại vòi sau bơm II Trạm cấp nước Đông Mỹ
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 10/06/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 10/06/2025 - 16/06/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.10.58 VSC

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đông Mỹ tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Trần Minh Hiền, xóm 10, Yên Mỹ, huyện Thanh Trì
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu/Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample: 10/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s): Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities: 10/06 - 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,0	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,9	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	102	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	17,2	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.10.58 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước
Đông Mỹ tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Trần Minh Hiền, xóm 10,
Yên Mỹ, huyện Thanh Trì
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample 10/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities 10/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.10.59 VSC

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đông Mỹ tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Chử Mạnh Cường, thôn 2 Vạn Phúc, huyện Thanh Trì
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu/Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample: 10/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s): Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities: 10/06 - 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	16,3	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	118	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	13,9	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 11 tháng 06 năm 2025/ Hanoi June 11, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.10.59 VSC

- Tên mẫu:
Name of sample: Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đông Mỹ tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Chủ Mạnh Cường, thôn 2 Vạn Phúc, huyện Thanh Trì
- Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu:
Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample: 10/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities: 10/06/2025 - 16/06/2025
- Kết quả thử nghiệm:
Test results:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:

Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

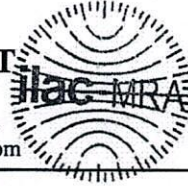
Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.56 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi sau bơm II Nhà máy nước Nam Dư, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 10/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities 10/06 - 12/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,7	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,2	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	142	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	12,9	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,3	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 12 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.56 VSC

1. Tên mẫu: Mẫu nước tại vòi sau bơm II Nhà máy nước Nam Dư, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 10/06/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 10/06/2025 - 16/06/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

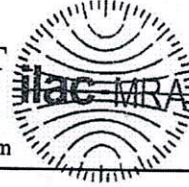
Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.54 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Nam Dư tại vị trí đồng hồ hộ Nguyễn Anh Tùng, số 34 ngõ 141 Nam Dư, phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội.

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

10/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/ The dates

10/06 - 12/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/ Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,7	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	12,8	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	130	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	15,2	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,4	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 12 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.54 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Nam Dư tại vị trí đồng hồ hộ Nguyễn Anh Tùng, số 34 ngõ 141 Nam Dư, phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội.
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
10/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
10/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho Khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.10.55 VSC

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Nam Từ tại vị trí sau đồng hồ hộ Nguyễn Quý Toàn, số 10 ngõ 179/151 Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu/Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample: 10/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s): Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities: 10/06 - 12/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	13,5	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	148	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	14,4	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,3	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 12 tháng 06 năm 2025/ Hanoi June 12, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT. GIÁM ĐỐC
KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT
THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.10.55 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Nam Dư tại vị trí sau đồng hồ hộ Nguyễn Quý Toàn, số 10 ngõ 179/151 Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội.
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
10/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
10/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:

Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC

Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.11.65 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample **Mẫu nước tại vòi sau bơm từ trạm cấp nước ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn**
2. Tên/địa chỉ khách hàng **Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội**
Name/Address of customer **70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội**
3. Mô tả mẫu/Sample description **Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL**
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample **11/06/2025**
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel performing/sending sample(s) **Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học**
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities **11/06 - 13/06/2025**
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,18	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	16,3	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	150	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	14,4	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,6	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,3	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 13 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 13, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaetnghiem.vtdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.11.65 VSC

- Tên mẫu:
Name of sample: Mẫu nước tại vòi sau bơm từ trạm cấp nước ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn
- Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu:
Sample description: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample: 11/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities: 11/06/2025 - 16/06/2025
- Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.11.63 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn tại vị trí vòi trực tiếp ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Lý Hương Ly, số 674 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

11/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

11/06 - 13/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,7	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,18	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,3	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,2	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	160	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	15,5	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,4	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 13 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 13, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT. GIÁM ĐỐC
THÀNH PHỐ



KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.

3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/

The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.

4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

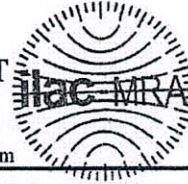
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/

Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).

6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/

This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.

7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.11.63 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample Mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn tại vị trí vòi trực tiếp ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Lý Hương Ly, số 674 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample 11/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities 11/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.11.64 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn tại vị trí vòi trực tiếp ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Lê Ngọc Thành, số 2 ngách 1 ngõ 532 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

11/06/2025

performing/sending sample(s)

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/ The dates

11/06 - 13/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/ Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,17	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,0	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	15,6	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	146	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	14	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,2	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 13 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 13, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.11.64 VSC

1. Tên mẫu: Mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Vân Đồn tại vị trí vòi trực tiếp ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Lê Ngọc Thành, số 2 ngách 1 ngõ 532 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 11/06/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 11/06/2025 - 16/06/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:

Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025
Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.